

Bản án số: 180/2024/HNGĐ – ST
Ngày 31 - 12 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Đức;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Chí;

Ông Đặng Văn Vững

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 555/2024/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2024/QĐXX - ST, ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Phương T, sinh năm: 1986; Cư trú tại: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm: 1973; Cư trú tại: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Phạm Thị Phương T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông N quen nhau, cưới nhau, sống chung từ năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 14 tháng 02 năm 2008, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống bên nhà chồng từ đó đến khoảng tháng 5 năm 2024, ông N chửi nhiều nên giữa vợ, chồng có xô sát, bà đã dẫn 02 người con ra nhà trọ thuê ở từ đó cho đến nay. Thời gian đầu vợ, chồng sống chung cũng có hạnh phúc nhưng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ, chồng bất đồng nhiều quan điểm. Ông N làm công việc gì bà không biết, từ khi sống chung đến nay đã 17 năm nhưng ông N không bao giờ đưa tiền cho bà để lo cho các con. Một mình bà vừa lo buôn bán, vừa lo cho gia đình và các con. Ông N không qua tâm lo cho gia đình và các con, mà thường xuyên chửi bà.

Tuy ông N không có chơi cờ bạc ăn tiền nhưng bà có nghe nhiều thông tin là ông N có chơi ma túy nên thường xuyên chửi bà.

Khi bà ra ngoài thuê trọ ông N có đến quậy phá, bà có báo Công an xã M vào làm việc thì ông N cam kết không quậy phá nữa. Khi bà làm đơn ly hôn có cho ông N biết thì ông N nói có đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án, ông N có nói nếu bà cầm đơn ly hôn đưa về thì ông N sẽ ký nhưng từ khi bà ra thuê trọ sống thì không dám đưa đơn ly hôn về để cho ông N ký. Thời gian đầu ly thân thì ông N có đến chỗ bà và các con ở trọ gọi con gái ra nói chuyện vài tiếng rồi về, chứ giữa bà với ông N không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Công việc của bà buôn bán, nguồn thu nhập không cụ thể nhưng ước lượng mỗi tháng hơn 10.000.000 đồng cũng đảm bảo cuộc sống cho bà và các con.

Nay bà T xét thấy vợ, chồng sống đã ly thân, tình cảm mâu thuẫn nghiêm trọng, thời gian sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Thị Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho bà T được ly hôn với ông Lê Văn N.

Về con chung: Có 02 người con là Lê Phạm Hoàng Đăng K, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2008 và Lê Phạm Hoàng Cẩm T1, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2013, bà T yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con. Đồng thời, nguyện vọng của 02 người con được ở với bà. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

Tài sản chung: Không yêu cầu;

Nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án thực hiện phương thức tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng ông N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Phương T và ông Lê Văn N nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án thông báo hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông N là đúng pháp luật.

[2] Nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Phương T và ông Lê Văn N xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Phương T và ông Lê Văn N: Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của bà Thảo nguyên N1 chính dẫn đến bà T làm đơn ly hôn là do cuộc sống chung vợ, chồng có xảy ra xô sát nên không thể sống chung được nên bà T đã dẫn 02 người con ra nhà trọ thuê sống từ khoảng tháng 5 năm 2024 đó cho đến nay. Ngoài ra, khi bà T thuê trọ sống thì ông N1 cũng đến quậy phá, bà T có báo Công an xã M vào làm việc với ông N1. Do ông N1 thường xuyên chửi bà T nên từ tháng 5 năm 2024, ly thân cho đến nay bà T không dám về nhà gặp ông N1. Tuy nhiên, thời gian đầu ly thân thì ông N1 có đến chỗ bà T và các con ở trọ ông N1 chỉ có gọi người con gái ra nói chuyện một tí rồi về, chứ giữa bà T và ông N1 không còn quan tâm gì đến nhau, mà bỏ mặt lẫn nhau.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông N1 hợp lệ nhưng ông N1 vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T. Tòa án cũng đã thông báo hợp lệ cho ông N1 tham gia phiên tòa hai lần nhưng ông N1 vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Do vậy, xét thấy trên thực tế hôn nhân giữa bà T và ông N1 đã không còn. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông N1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Phương T và ông Lê Văn N.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa bà T và ông N có 02 người con là Lê Phạm Hoàng Đăng K, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2008 và Lê Phạm Hoàng Cẩm T1, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2013, bà T yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con. Đồng thời, nguyện vọng của 02 người con được ở với bà T nên bà T được tiếp tục nuôi dưỡng người con Lê Phạm Hoàng Đăng K và Lê Phạm Hoàng Cẩm T1 là phù hợp tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa ông N không có mặt, không có ý kiến của ông N nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.4] Về án phí: Bà Phạm Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị Phương T đối với ông Lê Văn N.

1. Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Phương T được ly hôn với ông Lê Văn N.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Phương T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con Lê Phạm Hoàng Đăng K, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2008 và Lê Phạm Hoàng Cẩm T1, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu;

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Phương T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai số 0013353 ngày 02 tháng 10 năm 2024, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sang án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Phạm Thị Phương T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Long An;
 - VKSND huyện Cần Giuộc;
 - CQTHA huyện Cần Giuộc;
 - UBND xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc
- quyển số 13 ngày 14/02/2008;
- Các đương sự;
 - Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tuấn Đức

